TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/DS-PT
Ngày: 15-01-2026
"Tranh chấp yêu cầu vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Trịnh Thị Phúc

*Các Thẩm phán:*Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Bà Hoàng Thị Thúy Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 935/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 795/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tô Hoàng L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố B, phường K, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Bà Trần Mộng H – Luật sư, Văn phòng Luật sư Trần Mộng H- đoàn Luật sư tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Tô Minh Q, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số A, ấp Ô, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Trần Trường G, sinh năm 1988; Địa chỉ: số C, Quốc lộ F, Khu phố C, phường K, tỉnh Tây Ninh. *(Theo Giấy ủy quyền chứng thực số: 3136 ngày 31/7/2025 tại Văn phòng C3, phường K, tỉnh Long An)*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh *(kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND xã B, thị xã K, tỉnh Long An)*

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T – Chủ tịch.

2. Bà Tô Thị C, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Khu phố B, phường K, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Trương Thanh K, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố B, phường K, tỉnh Tây Ninh. *(Theo Giấy ủy quyền chứng thực số: 3792 ngày 03/9/2025 tại Văn phòng C3, phường K, tỉnh Tây Ninh)*

3. Bà Tô Thị C1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu phố C, phường K, tỉnh Tây Ninh.

4. Ông Tô Hữu T1, sinh năm 1958; Địa chỉ: đường L, Khu phố C, phường K, tỉnh Tây Ninh.

5. Bà Tô Thị Ngọc B, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Tô Thị Ngọc H1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, tỉnh Tây Ninh.

7. Bà Tô Thị Hiếu H2, sinh năm 2002; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, tỉnh Tây Ninh.

8. Ông Tô Thanh T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố A, phường K, tỉnh Long An.

9. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số A, ấp Ô, xã B, tỉnh Tây Ninh.

10. Bà Lê Thị M, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, tỉnh Tây Ninh.

11. Ông Võ Văn T3, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C1, ông T1, ông T2: ông Tô Hoàng L, sinh năm 1970; Địa chỉ: khu phố B, phường K, tỉnh Tây Ninh. (*Theo giấy ủy quyền ngày 25/12/2025*)

(ông L, ông G, bà B, bà L1, bà M có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* ông Tô Hoàng L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2024 và quá trình giải quyết nguyên đơn ông Tô Hoàng L trình bày:

Cha mẹ ông Tô Hoàng L là cụ Tô Văn N, sinh năm 1922 và cụ Võ Thị C2, sinh năm 1928. Cụ N và cụ C2 có 8 người con, gồm: Tô Thị C, Tô Thị C1, Tô Hữu T1, Tô Minh Q, Tô Hoàng L, Tô Thị Ngọc B, Tô Hoàng D (chết ngày 10/10/2016), Tô Thanh T4 (chết năm 1994).

Trong thời kỳ hôn nhân, cụ N và cụ C2 có tạo lập tài sản chung là thửa đất số 299, tờ bản đồ số 03, diện tích 899m^2, loại đất ONT, đất tại xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 451682, do UBND huyện M, tỉnh Long An cấp ngày 18/11/1998. Cụ Tô Văn N chết năm 2003, cụ Võ Thị C2 mất 2013; không để lại di chúc; không có con riêng; không có con nuôi; ông bà nội, ông bà ngoại mất trước đó đã lâu.

Thửa đất số 299 ông Tô Minh Q mượn anh em cất tạm một nhà kho để chứa hàng. Quá trình quản lý, sử dụng ông Q lập văn bản phân chia tài sản thừa kế di sản của cụ N, cụ C2 để lại ngày 24/9/2018, có chứng thực của UBND xã B, với nội dung: Tô Thị C, Tô Thị C1, Tô Hoàng L, Tô Hữu T1, Tô Thị Ngọc B xin

nhường toàn bộ kỷ phần của mình được hưởng thừa kế đối với di sản của ba mẹ tôi Tô Văn N và Võ Thị C2 để lại cho ông Tô Minh Q.

Ông L khẳng định từ khi ông N, bà C2 mất đến nay anh, chị, em chưa lần nào đến cơ quan thẩm quyền chứng thực phân chia di sản của ba mẹ để lại. Văn bản phân chia thừa kế do Tô Minh Q dàn dựng, giả chữ ký của anh, chị, em để thừa hưởng toàn bộ tài sản. Tất cả các chữ ký trong văn bản phân chia thừa kế không phải là chữ ký thật của anh, chị, em. Mặt khác, trong văn bản không có con ông Tô Thanh T4 và ông Tô Hoàng D. Do đó, văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 24/9/2018 chứng thực tại UBND xã B là không đúng pháp luật.

Ông L yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Văn bản phân chia tài sản thừa kế chứng thực ngày 24/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh Long An; không yêu cầu giải quyết hậu quả văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu.

Bị đơn ông Tô Minh Q trình bày:

Ông Tô Minh Q với ông Tô Hoàng L là anh em ruột. Cha mẹ là cụ Tô Văn N, sinh năm 1922 (chết năm 2003) và cụ Võ Thị C2, sinh năm 1928 (chết năm 2013). Cụ N và cụ C2 có con chung gồm: Tô Thị C, sinh năm 1954; Tô Thị C1, sinh năm 1956; Tô Hữu T1, sinh năm 1958; Tô Thanh T4, sinh năm 1961; (chết năm 1994); ông T4 có vợ tên T5 và có 01 người con là Tô Thanh T2, sinh năm 1985. Tô Minh Q, sinh năm 1968; Tô Hoàng D, sinh năm 1969 (chết năm 2016); ông D có vợ tên M và 02 con tên Tô Thị Ngọc H1, sinh năm 1994 và Tô Thị Hiếu H2, sinh năm 2002. Tô Thị Ngọc B, sinh năm 1968; Tô Hoàng L, sinh năm 1970.

Trong thời kỳ hôn nhân, cụ N và cụ C2 có tạo lập thửa đất số 299, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, diện tích 899m^2, tại ấp Ô, xã B, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 451682 ngày 18/11/1998. Cụ N, cụ C2 chết không để lại di chúc.

Năm 2018, các anh chị em thỏa thuận giao cho ông Q được quyền thửa kế thửa đất số 299 và ông Tô Hoàng L đi làm thủ tục thừa kế cho ông Q. Đến ngày 24/9/2018, các anh chị em gồm: bà C, bà C1, ông T1, ông Q, bà B, ông L đến UBND xã B chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 165 ngày 24/9/2018. Những người thừa kế của Tô Thanh T4 và Tô Hoàng D thống nhất giao thửa đất số 299 cho ông Q, nhưng không đến UBND xã B chứng thực văn bản phân chia thừa kế. Sau khi chứng thực văn bản phân chia thừa kế thì ông Q có hỗ trợ lại cho các anh chị em số tiền 230.000.000 đồng giao cho ông Tô Hoàng L nhận để chia đều (07 phần) cho các đồng thừa kế khác; khi giao tiền cho ông L không có lập văn bản, nhưng ông Q biết ông L có chia tiền cho các anh chị em khác và ông Q có hỗ trợ thêm tiền tháo dỡ 02 căn nhà tình thương bị sập cho Tô Thị Ngọc B nhận 15.000.0000 đồng và Tô Hoàng D (chết) do bà Lê Thị Mỹ N1 10.000.000 đồng.

Sau khi đăng ký nhận di sản thừa kế và được UBND thị xã K cấp giấy chứng nhận thì ông Q làm thủ tục cấp đổi giấy cho vợ là bà Nguyễn Thị L1 đồng chủ sử dụng đất. Ông Q và bà L1 đang quản lý sử dụng thửa đất để làm nhà kho và trồng cây ăn trái.

Ông Q khẳng định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 24/9/2018 là đúng với chữ kỹ, chữ viết và dấu vân tay của bà C, bà C1, ông T1, ông Q, bà B, ông L.

Ông L yêu cầu vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 24/9/2018 được UBND xã B, thị xã K chứng thực thì ông Q không đồng ý. Ông không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã B, tỉnh Tây Ninh có văn bản trình bày:

Việc chứng thực văn bản phân chia di sản số 165 ngày 24/9/2018 của UBND xã B là đúng quy định pháp luật. Việc cung cấp bản sao văn bản chứng thực số 165 thì UBND xã không đảm bảo thời gian để công chức chuyên môn tìm kiếm hồ sơ lưu, do việc sáp nhập đơn vị hành chính của đơn vị.

UBND xã B không có thông tin việc đăng ký kết hôn của ông Tô Hoàng D và bà Lê Thị M và theo kết quả kiểm tra dữ liệu hộ tịch UBND xã chỉ xác định được ông D và bà M có 02 người con chung là Tô Thị Ngọc H1 và Tô Thị Hiếu H2.

Qua kiểm tra hồ sơ hiện còn lưu trữ tại UBND xã việc chứng thực văn bản phân chia di sản thừa kế là đúng quy định của pháp luật; còn việc bỏ sót người thừa kế theo luật quy định thì UBND xã đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Bà Tô Thị C1 trình bày: Bà C1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L về yêu cầu vô hiệu văn bản phân chia tài sản thừa kế chứng thực ngày 24/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh Long An (nay là UBND xã B, tỉnh Tây Ninh). Bà C1 không ký vào văn bản và cũng không đến UBND xã B để chứng thực văn bản trên.

3. Ông Tô Hữu T1 trình bày: Ông Tài thống với yêu cầu khởi kiện của ông L về yêu cầu vô hiệu văn bản phân chia tài sản thừa kế chứng thực ngày 24/9/2018 tại UBND xã B, thị xã K, tỉnh Long An; chữ ký trên văn bản chứng thực cũng giống chữ ký của ông T1 nhưng ông T1 không đến UBND xã B để chứng thực hay ký nhận văn bản gì hết.

4. Bà Tô Thị Ngọc B trình bày: Bà Bích thống với yêu cầu khởi kiện của ông L về yêu cầu vô hiệu văn bản phân chia tài sản thừa kế chứng thực ngày 24/9/2018 tại UBND xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Bà B thừa nhận có đến UBND xã B để ký vào văn bản nhưng không biết được nội dung bên trong như thế nào. Trên một phần thửa đất 299 có nhà bà B được xây dựng năm 2000 trong đó Nhà nước có hỗ trợ cho tôi 8.000.000 đồng và có vay tiền của Ngân hàng chính sách để cất nhà, sau khi cất nhà xong bà B cho người khác thuê lại đến năm 2018; ông Q và vợ tháo dỡ nhà của bà B và đuổi người thuê nhà đi. Khi tháo dỡ nhà thì không được sự đồng ý của bà B. Bà B đề nghị ông Q bồi thường cho bà số tiền 30.000.000 đồng.

5. Bà Tô Thị C, bà Tô Thị Hiểu H2, bà Tô Thị Ngọc H1, ông Tô Thanh T2 và ông Võ Văn T3 (chồng bà Tô Thị Ngọc B) đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày; không có yêu cầu gì trong vụ án.

6. Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Việc phân chia di sản thừa kế theo văn bản phân chia thừa kế được chứng thực ngày 24/9/2018 tại UBND xã B, thị xã K, tỉnh Long An thì không có liên quan gì đến bà L1, nhưng hiện nay bà L1 và ông Q cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 299. Nguồn gốc thửa đất số 299 do bà L1 mua từ ông ông Tô Hoàng L là 230 triệu đồng và có trả tiền di dời 02 căn nhà là 25.000.000 đồng trong đó nhà bà B 15.000.000 đồng, nhà bà M 10.000.000 đồng. Trước khi phân chia di sản thừa kế thì các bên có thỏa thuận ông L sẽ đứng ra nhận lại giá trị thửa đất số 299 số tiền 230.000.000 đồng. Bà L1 đưa tiền cho ông Q giao cho ông L để chia lại cho các đồng thừa kế khác còn việc có giao tiền lại cho các đồng thừa kế khác hay không thì ba L1 không biết. Khi thỏa thuận thì là anh em trong nhà nên không có văn bản gì chỉ nói miệng. Trước đây, các bên có làm Tờ thỏa thuận ủy quyền năm 2018 ủy quyền cho ông Q quản lý sử dụng đất nên bà L1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

7. Bà Lê Thị M trình bày: Bà Lê Thị M là vợ ông Tô Hoàng D (đã chết năm 2017) là mẹ ruột của Tô Thị Ngọc H1, Tô Thị Hiểu H2. Trên một phần thửa đất số 299 có căn nhà cấp 4 (nhà tình thương) được Nhà nước hỗ trợ 40.000.000 đồng, ông D ở trên căn nhà này từ khi cất đến khi chết. Đến năm 2018, ông Q tháo dỡ nhà của bà M, bà M có báo chính quyền địa phương nhưng chính quyền địa phương không giải quyết. Bà M đề nghị ông Q bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Bà sẽ có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với ông Tô Minh Q để Tòa án xem xét trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Hoàng L đối với ông Tô Minh Q về yêu cầu vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế chứng thực số 165 ngày 24/9/2018 của UBND xã B, thị xã K, tỉnh Long An đối với thửa đất số 299, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, diện tích 899m^2, đất tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An (xã B, tỉnh Tây Ninh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 451682 ngày 18/11/1998 do UBND huyện M, tỉnh Long An cấp cho ông (bà) Tô Văn N.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Tô Hoàng L phải chịu 2.000.000đồng; ông L đã nộp tạm ứng và chi phí hết.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Tô Hoàng L phải chịu 300.000đồng; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số: 0002792 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 -Tây Ninh) sang thi hành án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 03 tháng 10 năm 2025, ông Tô Hoàng L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, tuyên vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do UBND xã B chứng thực số 165 ngày 24/9/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L và ông L trình bày: Bản án sơ thẩm cho rằng nguyên đơn cùng bà C, bà C1, ông T1, bà B, ông L, ông Q không yêu cầu giám định do không có tài liệu mẫu để so sánh và thực tế các bên cũng không cung cấp được tài liệu mẫu để so sánh giám định chữ ký. Bà T2, bà H2, bà H1 không phải người thừa kế mới phát sinh mà các ông bà này người thừa kế thế vị, tuy nhiên khi lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã bỏ sót người thừa kế là các con của ông T3 và các con ông D. Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 622 là không phù hợp với quy định của pháp luật làm ảnh hưởng quyền lợi của các con ông T3 và ông D, hơn nữa ông L cho rằng không có cuộc họp gia đình để thỏa thuận phân chia di sản cho ông Q. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Bà B trình bày: trên đất tranh chấp có 2 căn nhà của bà B và ông D nên đề nghị Tòa án xem xét.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q trình bày: Mặc dù trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế còn sót các con của ông D và ông T3, tuy nhiên ông Q đã đồng ý chia lại cho các con của ông D và ông T3 kỷ phần thừa kế mà ông D và ông T3 được chia theo quy định của pháp luật. Ông L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của L trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Ông L kháng cáo yêu cầu sửa án nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Tô Hoàng L trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt và cũng đã được triệu tập hợp lệ lần 2. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu kháng cáo của ông L.

[3] Về giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông L yêu cầu vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do UBND xã B chứng thực số 165 ngày 24/9/2018. Xét thấy:

[3.1] Văn bản phân chia tài sản thừa kế giữa: Tô Thị C, Tô Thị C1, Tô Hữu T1, Tô Minh Q, Tô Thị Ngọc B, Tô Hoàng L được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh Long An chứng thực số 165 ngày 24/9/2018 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về chứng thực hợp đồng, giao dịch. Theo Văn bản thừa kế thì các bên cam kết cụ N và cụ C2 có con đẻ gồm: *"Tô Thị C, Tô Thị C1, Tô Hữu T1, Tô Minh Q, Tô Thị Ngọc B, Tô Hoàng L. Ngoài ra ông Tô Văn N, bà Võ Thị C2 không còn ai là con đẻ, con nuôi nào khác"* và bà C, bà C1, ông T1, bà B và ông L hoàn toàn tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế cho ông Tô Minh Q nhận, những người tham gia lập văn bản thỏa thuận này đều có ký tên vào từ trang của văn bản, bà C có ký điểm chỉ vào từng trang của văn bản. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Chủ tịch UBND xã B là ông Trương Văn T6 ký tên chứng thực ở cuối trang 1, 2, 3; ký tên đóng dấu chứng thực ở trang 4 và có đóng dấu giáp lai trên 4 trang giấy A4. Như vậy, văn bản phân chia thừa kế ngày 24/9/2018 đã được UBND xã B, thị xã K, tỉnh Long An chứng thực đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

[3.2] Ông L, bà C, bà C1, ông T1 không thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu điểm chỉ trên văn bản phân chia tài sản thừa kế nhưng đều không cung cấp chứng cứ chứng minh và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu điểm chỉ nên ý kiến trình của các ông bà không có căn cứ chấp nhận. Bà B thừa nhận chữ ký, chữ viết là của mình nhưng cho rằng không đọc nội dung là không có cơ sở.

[3.3] Theo Văn bản số 735/BC-UBND ngày 23/9/2025 của UBND xã B, tỉnh Tây Ninh; Văn bản số 1186/UBND-VP ngày 22/9/2025 của UBND phường K, tỉnh Tây Ninh và sự thừa nhận của các đương sự thì ngoài những người con ruột được thể hiện trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thì cụ Tô Hoàng N2 và cụ Võ Thị C2 còn có con ruột tên làTô Thanh T4, sinh năm 1963 (chết năm 1994), ông T4 sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn với bà Lê Thị T7 (có 01 con chung tên Tô Thanh T2, sinh năm 1985) và ông Tô Hoàng D, sinh năm 1969 (chết ngày 10/10/2016), ông D sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn với bà Lê Thị M (có 02 con chung tên: Tô Thị Hiếu H2, sinh năm 2022 và Tô Thị Ngọc H1, sinh năm 1994). Do đó, án sơ thẩm xác định ông T2 là người thừa kế thế vị của ông T4; bà H2 và bà H1 là người thừa kế chuyển tiếp của ông D và tại thời điểm phân chia di sản thừa kế thì họ không có tham gia, vì vậy thuộc trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới theo quy định tại khoản 1 Điều 662 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 662 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định định *"Trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia lại di sản bằng hiện vật, nhưng những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

[3.4] Như vậy, ông T2; bà H2 và bà H1 được nhận một khoản tiền tương ứng với phần di sản mà họ được nhận tại thời điểm chia thừa kế theo quy định tại Điều

662 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm ông T2; bà H2 và bà H1 không yêu cầu ông Q trả giá trị di sản mà mình được hưởng trong cùng vụ án này; ông Q đề nghị tự thỏa thuận với ông T2; bà H2 và bà H1 nên án sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong trường giữa ông Q với ông T2, bà H2, bà H1 không thỏa thuận được thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3.5] Từ những nhận định trên không chấp nhận kháng cáo của ông L, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Tô Hoàng L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8- Tây Ninh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tô Hoàng L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông L đã nộp theo biên lai thu số 0006013 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 8 –Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Phúc